TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 25/2019/HS-ST Ngày 18-4-2019	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Dũng

Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà P - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Ngô V P, sinh ngày 20 tháng 09 năm 1989 tại Hải Phòng. Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Thôn Đ, xã P, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn B và bà Ngô Thị L, có vợ là Vũ Thị T, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/6/2018 đến ngày 17/6/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Hoàng M P, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 7/16/73 đường L, phường M, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Ngọc H và bà Nguyễn Thị N, có vợ là Nguyễn Thị Hồng N; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/6/2018 đến ngày 17/6/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Vũ V T, sinh ngày 22 tháng 08 năm 1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T và bà Tô Thị T, chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/6/2018 đến ngày 17/6/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn T; vắng mặt.

+ Bà Mai Thị Tuyết L; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Nh - Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng M T; vắng mặt.

+ Ông Đỗ Quốc L - Giám đốc Công ty TNHH Tâm T L; vắng mặt.

+ Bà Vũ Thị H - Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Kinh doanh Vật liệu xây dựng T N; vắng mặt.

+ Ông Jo M W - Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Q T; vắng mặt.

+ Ông Vũ Trường T - Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vận tải Xây dựng H M; vắng mặt.

+ Ông Vũ Duy L - Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Vận tải Đá cát sỏi M T; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn H - Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải H L; vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn Ph - Giám đốc Công ty TNHH P T; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hoài N - Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế tạo thiết bị điện H N; vắng mặt.

+ Ông Tấn Văn Ch - Giám đốc Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản và Vận tải H A; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đức V - Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh vật liệu K S; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Nh - Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng M T; vắng mặt.

+ Bà Lê Cẩm T - Giám đốc Công ty TNHH in, đầu tư, thương mại Đ T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2017 đến tháng 5 năm 2018, để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT) nhằm thu lợi bất chính, Ngô V P đã thuê người thành lập và trực tiếp điều hành các hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại Công ty TNHH đầu tư phát triển V T(viết tắt là Công ty V T) và Công ty TNHH Thương mại và Vận tải T V (viết tắt là Công ty T V). Ngô V P đã bán tổng cộng 25 tờ hóa đơn GTGT của Công ty V T và Công ty T V cho 06 công ty với tổng doanh số ghi khống trên hóa đơn chưa thuế là 9.530.647.075 đồng, tổng số tiền thuế là 943.858.468 đồng, thu lợi 155.233.329 đồng. Cụ thể như sau:

1. Thành lập Công ty TNHH đầu tư phát triển V T, mã số thuế 0201770601:

Khoảng đầu năm 2017, Ngô V P đến Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng gặp và thuê một người phụ nữ tên Huyền (không rõ lai lịch, địa chỉ) làm hồ sơ thành lập Công ty V T. Để tránh bị phát hiện, P thuê Nguyễn V T, sinh năm 1969, nơi cư trú: Khu V 1, thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng làm giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty. T chỉ đứng tên và không biết việc P mua bán trái phép hóa đơn GTGT. Đồng thời, P thuê văn phòng, khắc mẫu dấu tròn, dấu chức danh, in hóa đơn. Sau đó, P đến Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng gặp người phụ nữ trên để lấy các giấy tờ pháp nhân của Công ty V T, có địa chỉ trụ sở: Số 10/132 đường V, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu, 01 dấu tròn, 01 dấu chức danh giám đốc và 20 quyển hóa đơn GTGT thể hiện đơn vị bán hàng là Công ty V T. Ngô V P đã bán ra 24 tờ hóa đơn GTGT của Công ty V T, ghi khống doanh thu chưa thuế là 9.341.822.075 đồng, tiền thuế GTGT 924.975.968 đồng, với giá 1,5% doanh số chưa thuế, thu lợi 140.127.329 đồng.

2. Thành lập Công ty TNHH Thương mại và Vận tải T V, mã số thuế 0201804730:

Khoảng đầu năm 2018, P tiếp tục đến Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng gặp người phụ nữ tên Huyền để thuê làm thủ tục thành lập Công ty T V, có trụ sở tại: Số 431 đường P, phường Đ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Để tránh bị phát hiện, P thuê Mai Thị T L, sinh năm 1981, nơi cư trú: Số 9/123 đường L, phường G, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng làm giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty. Linh chỉ đứng tên và không biết việc P mua bán trái phép hóa đơn GTGT. Toàn bộ giấy tờ pháp nhân của Công ty T V gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu, 01 dấu tròn, 01 dấu chức danh giám đốc và 20 quyển hóa đơn GTGT thể hiện đơn vị bán hàng

là Công ty T V. Ngô V P đã bán ra 01 tờ hóa đơn GTGT của Công ty T V, ghi khống trên hóa đơn (chưa thuế) 188.825.000 đồng, tiền thuế GTGT là 18.882.500 đồng với giá bán 8% doanh số chưa thuế, thu lợi 15.106.000 đồng.

Quá trình bán 25 số hóa đơn cho 06 công ty trên, Ngô V P tự đánh máy hoặc chỉ đạo vợ là Vũ Th Th, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng viết nội dung trên hóa đơn theo yêu cầu của người mua. P hoặc khách hàng sẽ tự soạn thảo hợp đồng kinh tế và các tài liệu liên quan, sau đó P tự ký tên giám đốc và đóng dấu chức danh của giám đốc trên hóa đơn, hợp đồng và các tài liệu có liên quan rồi gửi cho người mua. Từ tháng 02 năm 2018, P thuê Nguyễn Th Ng, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ngõ 666 đường T, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng làm kế toán báo cáo kê khai thuế cho Công ty V Tvà Công ty T V, cân đối đầu vào đầu ra với mức lương 4.000.000 đồng/tháng. P đã trả cho Ng tổng cộng 16.000.000 đồng.

Để hợp thức hóa các giao dịch, P mở tài khoản của Công ty V T và Công ty T V tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Viettinbank), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB); thuê Hoàng M P (từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2018) và Vũ V T (từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2018) giúp P thực hiện các giao dịch chuyển, rút tiền tại các Ngân hàng cho cả hai Công ty trên với mức lương 5.000.000 đồng/tháng. Mỗi khi cần rút tiền, chuyển tiền tại các ngân hàng, P nhắn tin cho Ph, Th nội dung để Ph, Th ghi trên giấy rút tiền mặt và làm thủ tục rút tiền. Ph và Th đều nhận thức được việc giao dịch tại các ngân hàng để hợp thức hóa giấy tờ phục vụ việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT, nhưng do hám lợi nên vẫn thực hiện. Thực tế, P đã trả cho Ph tổng cộng 25.000.000 đồng, trả cho Th tổng cộng 10.000.000 đồng.

Kết luận giám định số 91 ngày 10/10/2018 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng xác định: Chữ ký và chữ viết "Vũ V T", "Hoàng M P" tại các mục người lĩnh tiền, trên các tài liệu tại Ngân hàng là chữ ký và chữ viết của cùng một người.

Qua xác minh 06 doanh nghiệp sử dụng hóa đơn GTGT của Công ty V T và Công ty T V, thể hiện:

- Đối với 02 doanh nghiệp sử dụng hóa đơn GTGT của Công ty V T để thực hiện kê khai thuế đầu vào: Công ty Cổ phần Thương mại vận tải Hạ Long đã sử dụng 13 hóa đơn của Công ty V Tkê khai thuế tại Chi cục thuế thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phượng Thư đã sử dụng 02 hóa đơn của Công ty V T, kê khai thuế tại Chi cục thuế quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Cơ quan điều tra Công an quận Ngô Quyền đã chuyển hồ sơ và tài liệu liên quan đến Cơ quan điều tra nơi các Công ty trên đăng ký kinh doanh để tiếp tục điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

- Đối với 04 công ty còn lại, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, ghi lời khai của các giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Vận tải xây dựng H M, Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng vận tải đá cát sỏi M T, Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất kinh doanh vật liệu K S đều khai có mua hàng hóa do một người đàn ông đến chào hàng, do giá rẻ hơn thị trường nên đồng ý mua và được xuất hóa đơn GTGT của Công ty V T và Công ty T V. Chủ doanh nghiệp không biết việc mua trái phép hóa đơn GTGT và không trao đổi mua bán hóa đơn GTGT với Ngô V P.

- Đại diện Công ty Cổ phần thương mại Vận tải và Kinh doanh vật liệu xây dựng T N không đến làm việc theo triệu tập của Cơ quan điều tra. Xác minh tại Cơ quan thuế, Công ty T N đã sử dụng 03 hóa đơn GTGT của Công ty V T để kê khai thuế, nhưng sau đó tại kê khai bổ sung lần 1 đã báo giảm cả 03 hóa đơn GTGT. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chế tạo thiết bị điện H N, Công ty khai thác khoáng sản H A, Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng M T, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tâm T L và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Q T, qua điều tra xác định, các công ty trên có trao đổi, thỏa thuận với P về việc mua hóa đơn GTGT khống, nhưng do không thương lượng được về giá nên hai bên đã hủy giao dịch. Vì vậy, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục tiến hành các biện pháp điều tra, xác minh sau.

Về số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán hóa đơn, Ngô V P khai: Đã sử dụng vào việc nộp thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp và lệ phí môn bài của Công ty T V là 17.000.000 đồng; của Công ty V T là 22.581.496 đồng. Số tiền P thực tế thu lợi sau nộp thuế là 115.651.833 đồng, số tiền này P đã chi tiêu cá nhân hết.

Về dân sự: Tại cơ quan điều tra và quá trình trước khi xét xử, các bị cáo P, Ph và Th đã tự nguyện nộp tổng số tiền 155.651.833 đồng để khắc phục hậu quả.

Vật chứng của vụ án:

- 02 USB màu bạc chất liệu da màu nâu vàng có ghi chữ “FIVE STAR”; 01 CPU có chữ “Think center” nhãn hiệu Lenovo; 01 Ipad E2 màu vàng; 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng đã qua sử dụng có một vết xước dài 2,5cm ở mặt trước máy. Qua kiểm tra không chứa các dữ liệu liên quan đến vụ án. Ngô V P khai các tài sản trên là tài sản cá nhân của P, không sử dụng vào việc mua bán hóa đơn. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

- 01 con dấu của Công ty T V; 01 dấu chức danh giám đốc Mai Thị T L; 01 điện thoại Samsung Galaxy S7; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6 màu vàng qua sử dụng, đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Một số giấy tờ, hóa đơn GTGT, chứng từ có liên quan khác (có thống kê chi tiết trong bảng kê vật chứng kèm theo hồ sơ vụ án).

Tại bản Cáo trạng số 22/QĐ-VKS ngày 11/3/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Ngô V P, Hoàng Văn Ph và Vũ V T đều về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo điểm đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Các bị cáo Ngô V P, Hoàng Văn Ph và Vũ V T khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã truy tố.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b Điều 32; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạt tiền bị cáo Ngô V P số tiền từ 210.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b Điều 32; điểm i, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạt tiền bị cáo Hoàng M P số tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b Điều 32; điểm i, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạt tiền bị cáo Vũ V T số tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

- Về thu lợi bất chính và xử lý vật chứng, án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật; sau khi đối trừ số tiền cần phải nộp lại do thu lời chính chính, cần tạm giữ số tiền 40.000.000 đồng của các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, phần lời nói sau cùng các bị cáo đều xin giảm nhẹ mức hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và các tài liệu tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Ngô Quyền, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2017 đến khi bị bắt, Ngô V P đã thành lập và sử dụng 02 công ty (Công ty V T, Công ty T V), thuê Hoàng M P, Vũ V T để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT. Ngô V P đã bán ra 25 số hóa đơn đã ghi khống hàng hóa GTGT để thu lợi bất chính. Hành vi của các bị cáo Ngô V P, Hoàng M P và Vũ V T đã đồng phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn" quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

[3] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, xâm hại đến lợi ích quốc gia về kinh tế, làm suy giảm đến Ngân sách Nhà nước, gây mất trật tự trị an. Chính vì vậy phải xử lý nghiêm khắc đối với các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm nên phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần xem xét vai trò của từng bị cáo trong đồng phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để phân hóa tội phạm cũng như áp dụng một mức hình phạt tương xứng theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[5] Bị cáo Ngô V P từ đầu năm 2017 đến khi bị bắt có hành vi bán ra 25 số hóa đơn đã ghi khống hàng hóa GTGT nhằm thu lời bất chính. Bị cáo Hoàng M P, Vũ V T có hành vi thực hiện các giao dịch chuyển, rút tiền tại Ngân hàng cho cả hai Công ty do bị cáo P điều hành và đều được P trả lương cho mỗi bị cáo là 5.000.000 đồng/tháng. Tổng số tiền các bị cáo thu lợi bất chính là 115.654.833 đồng. Do đó, đủ căn cứ kết luận các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp "Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên" theo điểm đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

- Về vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

[6] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, mặc dù các bị cáo không bàn bạc thống nhất về cách thức giao dịch cụ thể, nhưng có sự tiếp nhận ý chí. Ngô V P tham gia với vai trò chính, là người trực tiếp điều hành các hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT tại Công ty V Tvà Công ty T V nên P phải chịu hình phạt cao nhất. Vũ V T và Hoàng M P có vai trò giúp sức Ngô V P thực hiện hành vi bán trái phép hóa đơn GTGT, nên các bị cáo Ph và Th phải chịu mức hình phạt Ngng nhau, nhưng thấp hơn so với bị cáo P.

[7] Xét các bị cáo có nhân thân tốt, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Song cũng xét, các bị cáo P, Ph và Th sau khi phạm tội đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; gia đình đều có công với cách mạng. Các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính 115.651.833 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng, Ph và Th còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do Ph, Th đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng cần áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định theo Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với Ph và Th.

[8] Căn cứ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự quy định phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, đang có việc làm, có khả năng thi hành hình phạt chính là hình phạt tiền. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo mà không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội cũng đủ tính răn đe và phòng ngừa tội phạm. Căn cứ vai trò, tính chất mức độ, hành vi của bị cáo Ngô V P cao hơn so với bị cáo Hoàng M P, Vũ V T nên hình phạt tiền bị cáo P cao hơn so với bị cáo Ph và bị cáo Th.

- Về thu lợi bất chính và xử lý vật chứng:

[9] Các bị cáo P, Ph và Th đã tự nguyện nộp 155.651.833 đồng để khắc phục hậu quả, hiện đang tạm giữ tại kho bạc Nhà nước quận Ngô Quyền. Qua điều tra xác định thực tế các bị cáo chỉ thu lợi bất chính 115.651.833 đồng. Vì vậy, cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố Tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 115.651.833 đồng là tiền thu lợi bất chính; đối với số tiền 40.000.000 đồng các bị cáo nộp dư, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tịch thu sung công 01 điện thoại Samsung Galaxy S7; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6 màu vàng đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu hủy 01 con dấu của Công ty TNHH Thương mại và Vận tải T V; 01 dấu chức danh giám đốc Mai Thị T L.

[10] Đối với một số giấy tờ, hóa đơn GTGT, chứng từ có liên quan khác (có thống kê chi tiết trong bảng kê vật chứng) đều là dụng cụ các bị cáo sử dụng để phạm tội nhưng đã được đánh số bút lục kèm theo hồ sơ vụ án nên không xét.

[11] Trong vụ án này, các đối tượng Nguyễn V T, Mai Thị T L được thuê làm giám đốc các Công ty nhưng không biết, không tham gia mua bán hóa đơn GTGT nên không đồng phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn" với Ngô V P.

[12] Đối với Nguyễn Th Ng được Ngô V P thuê làm kê khai và báo cáo thuế cho Công ty V Tvà Công ty T V, P và Ng đều khai phù hợp với nhau về việc Ng không biết và P không bàn bạc, trao đổi với Ng về việc P lập Công ty để bán trái phép hóa đơn GTGT. Vì vậy, không đủ cơ sở để xác định Ng đồng phạm tội "Mua bán trái phép hóa đơn" với Ngô V P.

[13] Đối với Vũ Th Th được Ngô V P nhờ viết nội dung 06 tờ hóa đơn GTGT, nhưng không biết việc P mua bán trái phép hóa đơn GTGT, nên không đồng phạm với hành vi phạm tội của Ngô V P.

[14] Đối với các đối tượng tên Huyền là người P thuê để thành lập doanh nghiệp, Hà, Thanh và một số cá nhân khác là người trực tiếp mua hóa đơn và thực hiện các giao dịch mua bán hàng hóa GTGT liên quan đến hóa đơn của Công ty V Tvà Công ty T V hiện chưa xác định rõ lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, có căn cứ sẽ xử lý sau.

- Về án phí:

[15] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Ngô V P, Hoàng M P, Vũ V T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b Điều 32; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Phạt tiền bị cáo Ngô V P số tiền 210.000.000 (hai trăm mười triệu) đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b Điều 32; điểm i, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hoàng M P, Vũ V T; xử phạt:

+ Phạt tiền bị cáo Hoàng M P số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

+ Phạt tiền bị cáo Vũ V T số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng về tội "Mua bán trái phép hóa đơn".

- Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 115.651.833 đồng là tiền thu lợi bất chính; đối với số tiền 40.000.000 đồng các bị cáo nộp dư, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Samsung Galaxy S7; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 6 màu vàng đã qua sử dụng.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 con dấu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Vận tải T V; 01 dấu chức danh giám đốc Mai Thị T L.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng).

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Ngô V P, Hoàng M P, Vũ V T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án:

Các bị cáo Ngô V P, Hoàng M P và Vũ V T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Công an quận Ngô Quyền;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an quận Ngô Quyền;
- PV 27 Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Yến